

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MINH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 6 năm 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Bình;
- Bà Phạm Thị Thỏa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc – Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Chị Nùng Thị M, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; dân tộc: Giáy. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn:* Anh Vàng A C, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; dân tộc: Giáy. Vắng mặt (có quan điểm xin xét xử vắng mặt).
- Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông:* Ông Lâm Văn N; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2022, biên bản lấy lời khai đương sự ngày 20/12/2022 và biên bản lấy lời khai đương sự (bổ sung) ngày 16/3/2023 của nguyên đơn chị Nùng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng A C, qua thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau, không bị ai ép buộc, vào ngày 09/8/2017 chị và anh C đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn do vợ chồng anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Sau đó chị và anh C thường xuyên đi làm xa, không chung sống cùng nhau trong một thời gian dài nên tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Quá trình hai vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên đã hàn gắn cho hai vợ chồng nhưng đều không thành công. Sau nhiều lần tổ chức hòa giải không thành công, chị và anh C đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng chị không còn tình cảm, hai vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng A C.

Về con chung: Chị M xác nhận, chị và anh C có một con chung là cháu Vàng Thị Thúy H, sinh ngày 30/8/2017. Sau khi ly hôn chị đề nghị anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/4/2023 của bị đơn anh Vàng A C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nùng Thị M đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Trước khi kết hôn anh và chị M được tự do tìm hiểu, sau đó cả hai tự nguyện kết hôn và không bị ai ép buộc. Quá trình sinh sống sau khi kết hôn anh và chị M chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì anh và chị M bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, lý do xảy ra mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, tính tình không hợp nhau, không chia sẻ cùng nhau những khó khăn trong cuộc sống, mặc dù hai anh chị, hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng đều không thành công và mâu thuẫn của vợ chồng anh ngày càng trầm trọng và không thể hòa giải, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Hiện nay anh cũng không còn tình cảm với chị M, quá trình sau khi phát sinh mâu thuẫn anh và chị M đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị M làm đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị M được ly hôn.

Về con chung: Anh C xác nhận, anh và chị M có một con chung là cháu Vàng Thị Thúy H, sinh ngày 30/8/20217. Sau khi ly hôn anh đề nghị anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 07/6/2023, Trưởng thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang cho biết: Chị Nùng Thị M, sinh năm 1998 và anh Vàng A C, sinh năm 1994 đều có hộ khẩu tại thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Anh C và chị M kết hôn vào ngày 09/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Quá trình hai vợ chồng anh chị chung sống có với nhau một con chung là cháu Vàng Thị Thúy H, sinh ngày 30/8/2017. Sau khi kết hôn anh C và chị M ở cùng với bố mẹ anh C sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2022 anh C và chị M bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai anh chị thường xuyên đi làm xa và hai anh chị sống xa nhau dẫn đến hai anh chị thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Do vậy hai anh chị đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Mâu thuẫn của anh C và chị M không được anh chị thông báo ra xã nên chúng tôi không thể tiến hành hòa giải cho hai anh chị. Tuy nhiên chúng tôi thấy mâu thuẫn của anh chị không thể hòa giải do hai anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài, hai vợ chồng không còn ở cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, về con chung là cháu H hiện đang được đi học và ở cùng ông bà nội do vậy anh C có điều kiện chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu H tốt hơn chị M. Mức thu nhập bình quân tại xã Mậu Long là 19.500.000 đồng/người/năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh tham gia phiên toà có quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến, kết quả tranh luận tại phiên tòa của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh.

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nùng Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Vàng A C, nơi cư trú tại thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quyết định của Tòa án, tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nùng Thị M và bị đơn anh Vàng A C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nùng Thị M và anh Vàng A C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 09/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị Nùng Thị M và anh Vàng A C là hợp pháp.

[4] Về căn cứ cho ly hôn: Chị Nùng Thị M và anh Vàng A C sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 hai anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, dù đã nhiều lần hai anh chị được gia đình hai bên nội, ngoại tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng đều không thành công, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, trong thời gian mâu thuẫn hai anh chị thường xuyên đi làm xa, không ở cùng nhau từ thời gian đó cho đến nay. Nay cả hai anh chị đều xác nhận đã không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Nùng Thị M ly hôn với anh Vàng A C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị M và anh C xác nhận có một con chung là cháu Vàng Thị Thúy H, sinh ngày 30/8/2017, khi ly hôn anh C và chị M đã thống nhất anh C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hai anh chị đã thống nhất về con chung, căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị M và anh C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Do nguyên đơn chị Nùng Thị M và bị đơn anh Vàng A C vắng mặt tại phiên tòa nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và công nợ chung.

[8] Về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của chị Nùng Thị M ngày 22/02/2023 vì chị M là người dân tộc thiểu số (dân tộc Giáy) sinh sống ở thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị Nùng Thị M theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nùng Thị M.

Cho chị Nùng Thị M được ly hôn với anh Vàng A C.

2. Về con chung: Giao cháu Vàng Thị Thúy H sinh ngày 30/8/2017 cho anh Vàng A C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Hân đủ 18 tuổi, chị Nùng Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm giao con kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

Chị Nùng Thị M được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm cho chị Nùng Thị M.

Trả lại cho chị Nùng Thị M 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Minh, biên lai số 51BB-21P 0005045 ngày 08/12/2022.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Về thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- UBND xã M, huyện Y;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Đạng